

Số: 345/QĐ-MNHM1

Quận 12, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai các khoản thu, mức thu – chi năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOẠ MI 1

Căn cứ thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống Quốc dân;

Căn cứ vào Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 7266/UBND-GDĐT-TC ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân quận 12 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận.

Căn cứ Quyết định số: 337/QĐ-MNHM1 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của trường Mầm non Hoạ Mi 1 về phê duyệt dự toán khoản thu và mức thu đối với dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động năm học 2024-2025;

Căn cứ vào biên bản họp phụ huynh học sinh vào các ngày 25, 26, 27 tháng 9 năm 2024 về thỏa thuận các khoản thu, mức thu – chi năm học 2024-2025 của trường Mầm non Hoạ Mi 1.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Mầm non Hoạ Mi 1;

Xét theo đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai các khoản thu, mức thu - chi năm học 2023-2024. (Đính kèm kế hoạch, dự toán, công văn 5307/SGDDĐT-KHTC, 7266/UBND-GDĐT-TC, PL các khoản thu và mức thu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc trường Mầm non Hoà Mĩ 1 thực hiện quyết định này./.

Noinhận:

- Điều 3;
- Lưu VT.





BIÊN BẢN NIÊM YẾT

Về việc công khai các khoản thu, mức thu – chi năm học 2024 - 2025

Hôm nay, vào lúc 17 giờ 30 phút ngày 27 tháng 9 năm 2024. Tại phòng họp trường Mầm non Hoà Mi 1, Ban giám hiệu trường, Giáo viên và Ban Đại diện phụ huynh học sinh tổ chức họp thống nhất để niêm yết các khoản thu năm học 2024-2025.

Thành phần lập biên bản:

- | | |
|-------------------------------|----------------------------|
| 1- Bà: Ngô Thanh Tâm | - Hiệu trưởng. |
| 2- Bà: Nguyễn Thị Thuỷ Trang | - Phó hiệu trưởng. |
| 3- Bà: Nguyễn Thị Kim Phú | - Phó hiệu trưởng. |
| 4- Bà: Phạm Thị Thuỷ Tiên | - Chủ tịch Công đoàn |
| 5- Bà: Nguyễn Thị Minh Phượng | - Trưởng Ban TTND |
| 6- Bà: Huỳnh Thị Kim Cương | - Kế toán |
| 7- Ông: Nguyễn Tấn Danh | - Trưởng ban đại diện CMHS |
| 8- Bà: Trần Thị Luyên | - Thư ký |

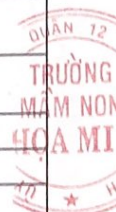
Nội dung

Bà Ngô Thanh Tâm thông qua các biên bản họp phụ huynh các lớp lấy ý kiến thỏa thuận mức thu và khoản thu cụ thể từng nội dung thu. Trường Mầm non Hoà Mi 1 đã tiến hành niêm yết công khai các khoản thu năm học 2024 - 2025 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số HS	Mức thu	Tổng thu	Ghi chú
A	PHẦN THU					
I	Học phí				487.080.000	Khối lá Miễn
	- Nhà trẻ:	đồng	85	200.000đ/tháng	153.000.000	
	- Mầm, chồi	đồng	232	160.000đ/tháng	334.080.000	
II	Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND				2.170720.000	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng	469	355.000đ/tháng	1.498.455.000	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng	381	100.000đ/tháng	342.900.000	
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (chăm sóc nuôi dưỡng trong hè)	đồng	120	39.000đ/ngày/ 45 ngày	210.600.000	
4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (Phần kinh phí xã hội hóa theo khoản 2, Điều 1, NQ04/ 2021/ NQ-HĐND ngày 23/ 3/ 2021 của HĐND Thành phố)					

	- Nhà trẻ:	đồng	85	69.000đ/tháng	52.785.000	
	- Mầm, chồi	đồng	384	65.000đ/tháng	224.640.000	
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng	469	30.000đ/năm	14.070.000	
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của các lớp có máy lạnh (Tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	đồng	469	25.000đ/tháng	105.525.000	
III	Khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường				820.000.000	
1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (Vẽ, Thể dục nhịp điệu)					
	- Vẽ (Tự nguyện)	đồng	336	90.000đ/tháng/ 8 tháng	241.920.000	
	- Thể dục ND (Tự nguyện)	đồng	336	90.000đ/tháng/ 8 tháng	241.920.000	
2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (Tự nguyện)	đồng	341	90.000đ/tháng/ 8 tháng	245.520.000	
VI	Các khoản thu cho cá nhân học sinh				4.305.249.000	
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng	469	250.000đ/năm		
	- Học kỳ I	đồng	469	125.000đ/HK	58.625.000	
	- Học kỳ II	đồng	469	125.000đ/HK	58.625.000	
2	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu					
	Học phẩm :	đồng	469	50.000đ/năm		
	- Học kỳ I	đồng	469	25.000đ/HK	11.725.000	
	- Học kỳ II	đồng	469	25.000đ/HK	11.725.000	
	Học cụ - Học liệu			NT: 270.000/năm MG: 340.000/năm		
	- Nhà trẻ: Học kỳ I Học kỳ II	đồng	85	130.000đ/ 1HK	11.050.000 11.050.000	
	- Mẫu giáo: Học kỳ I Học kỳ II		384	145.000đ/ 1HK	55.680.000 55.680.000	
3	Tiền suất ăn trưa bán trú					
	- Nhà trẻ	đồng	85	30.000đ/ngày/22 ngày/tháng	504.900.000	
	- Mẫu giáo	đồng	384	32.000đ/ngày/22 ngày/tháng	2.433.024.000	
4	Tiền suất ăn sáng	đồng	381	17.000đ/ngày/22 ngày/tháng	1.009.800.000	
5	Tiền nước uống	đồng	469	25.000đ/tháng	63.315.000	

B	PHẦN CHI					
I	Học phí				487.080.000	487.080.000
	Nhà trẻ:	đồng	85	200.000đ/tháng	153.000.000	
	Mầm, chồi	đồng	232	160.000đ/tháng	334.080.000	
	Tạo nguồn CCTL: 40%					194.832.000
	Chi hoạt động: 58%					282.506.400
	Nộp thuế TNDN: 2%					9.741.600
II	Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND					
STT	NỘI DUNG	Công thức	Đơn giá	Số tiền	GHI CHÚ	
				Thu, chi		
1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú					
	Mức thu	469 học sinh	355.000	1.498.455.000		
	Tổng dự toán chi :			1.498.455.000		
-	Chi thanh toán cá nhân:			1.047.924.000		
+	Tổ chức phục vụ bán trú (80% trên tổng thu 313.000đ/hs/tháng)			1.047.924.000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp quản lý công tác bán trú			240.941.176		
+	Chi hỗ trợ trả lương cho hợp đồng trường + CTP			240.941.176		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn			4.139.536		
+	Chi phí khác (chi giá hạn chữ ký số, ...)			4.139.536		
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			175.481.188		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			29.969.100		
+	2% thuế			29.969.100		
2	Tiền phục vụ ăn sáng					
	Mức thu	381 học sinh	100.000	342.900.000		
	Tổng dự toán chi :			342.900.000		
-	Chi thanh toán cá nhân:			336.042.000		
+	Tổ chức phục vụ ăn sáng (CBGVNV theo qui chế chi tiêu nội bộ)			336.042.000		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			6.858.000		
+	2% thuế			6.858.000		
3	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè					
	Mức thu	120 học sinh	39.000	210.600.000		
	Tổng dự toán chi :			210.600.000		
-	Chi thanh toán cá nhân:			168.480.000		
+	Tổ chức phục vụ bán trú (80% tổng thu)			168.480.000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp quản lý công tác bán trú			10.000.000		
+	Chi hỗ trợ trả lương cho hợp đồng trường			10.000.000		
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			27.908.000		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			4.212.000		
+	2% thuế			4.212.000		



4	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng (Phần kinh phí xã hội hóa theo khoản 2, Điều 1, NQ04/2021/NQ9-HĐND ngày 23/03/2021 của HĐND thành phố)				
	Mức thu			277.425.000	
	- Nhà trẻ	85 học sinh	69.000	52.785.000	
	- Mẫu giáo	384 học sinh	65.000	224.640.000	
	Tổng dự toán chi :			277.425.000	
	Chi thuê hợp đồng NVND:8.000.000đ/người x4người x 9 tháng)			271.876.500	
	Nộp thuế 2%			5.548.500	
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)				
	Mức thu	469 học sinh	30.000	14.070.000	
	Tổng dự toán chi:			14.070.000	
-	Khám sức khỏe học sinh, nha học đường 2lần/ năm			13.788.600	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
+	2% thuế			281.400	
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của các lớp có máy lạnh (Tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh)				
	Mức thu	469 học sinh	25.000	105.525.000	
	Tổng dự toán chi:			105.525.000	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				
+	Tiền điện (BQ: 9tr/ tháng)			81.014.500	
+	Bảo trì máy lạnh (350.000đ/quí x 16 lớp x 4quí)			22.400.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
+	2% thuế			2.110.500	
7	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ	số HS			
	Mức thu	336 học sinh	90.000	483.840.000	
	Tổng dự toán chi:			483.840.000	
-	Chi thanh toán hợp đồng giảng dạy:			314.496.000	
+	Dạy các lớp năng khiếu: (thể dục nhịp điệu, học vẽ) Chi trả hợp đồng dạy 65% tổng thu			314.496.000	
-	Chi cho bộ phận gián tiếp			64.800.000	
+	Chi ban giám hiệu, bộ phận hành chính (5% tổng thu)			24.192.000	
+	Chi giáo viên chủ nhiệm lớp (10% tổng thu)			48.384.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn			10.000.000	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			77.091.200	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			9.676.800	
+	2% thuế			9.676.800	
9	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	số HS			
	Mức thu	341 học sinh	90.000	245.520.000	
	Tổng dự toán chi :			245.520.000	
-	Chi thanh toán hợp đồng giảng dạy:			140.400.000	
+	Chi trả hợp đồng dạy 65% tổng thu			159.588.000	
-	Chi cho bộ phận gián tiếp			36.828.000	

+	Chi ban giám hiệu, bộ phận hành chính (5% tổng thu)			12.276.000	
+	Chi giáo viên chủ nhiệm lớp (10% tổng thu)			24.552.000	
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn			5.000.000	
+	Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học			5.000.000	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động			39.193.600	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			4.910.400	
+	2% thuế			4.910.400	
10	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú				
	Mức thu	469 học sinh	250.000	117.250.000	
	Tổng dự toán chi :			117.250.000	
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ học sinh bán trú			114.905.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.345.000	
+	2% thuế			2.345.000	
11	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu			156.910.000	0
11.1	Học phẩm	469 học sinh	50.000	23.450.000	
11.2	Học cụ - Học liệu	469 học sinh		133.460.000	
	- Nhà trẻ	85 học sinh	260.000	22.100.000	
	- Mẫu giáo	384 học sinh	290.000	111.360.000	
	Tổng dự toán chi :			156.910.000	
12	Tiền suất ăn trưa bán trú			2.937.924.000	
	- Nhà trẻ	85 học sinh	30.000	504.900.000	
	- Mẫu giáo	384 học sinh	32.000	2.433.024.000	
	Tổng dự toán chi :			2.937.924.000	
	Chi mua gas bếp ăn trưa			100.000.000	
	Mua sữa bột			630.000.000	
	Mua lương thực thực phẩm học sinh ăn xế, ăn trưa			2.149.165.520	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			58.758.480	
+	2% thuế			58.758.480	
13	Tiền suất ăn sáng	381 học sinh	17.000	1.009.800.000	
	Tổng dự toán chi :			1.009.800.000	
	Chi mua gas bếp ăn trưa			54.000.000	
	Mua lương thực thực phẩm học sinh ăn sáng			935.604.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			20.196.000	
+	2% thuế			20.196.000	
14	Tiền nước uống	469 học sinh	15.000	63.315.000	
	Tổng dự toán chi :			63.315.000	
	Chi mua nước uống ionlife			62.048.700	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.266.300	
+	2% thuế			1.266.300	

Các khoản thu và kế hoạch dự toán thu – chi đã được Ban giám hiệu thông qua buổi họp phụ huynh đầu năm lấy ý kiến thống nhất.

Nay trường thông báo tiến hành niêm yết các khoản thu năm học 2024-2025;

Hình thức công khai:

- Tại cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường;
- Tại cuộc họp Đại hội cha mẹ học sinh;

- Bảng tin của trường Mầm non Hòa Mi 1;

Thời gian niêm yết và kết thúc: Bắt đầu từ 17h ngày 27/9/2024 và sẽ kết thúc niêm yết vào ngày 26/10/2024 (trong vòng 30 ngày liên tục).

Mục đích của việc niêm yết công khai để cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Hòa Mi 1 và phụ huynh học sinh thuận tiện theo dõi và giám sát.

Mọi ý kiến thắc mắc nếu có về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được tổng hợp và giải đáp;

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian là 30 ngày.

Sau thời gian 30 ngày bảng niêm yết tự động hết hiệu lực.

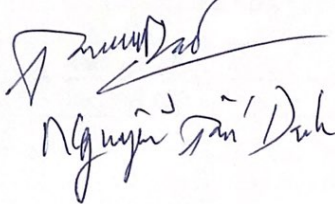
Biên bản kết thúc vào lúc 17h 30 cùng ngày và được đọc lại cho các thành viên nhất trí tán thành 100%, biên bản này được lập thành 02 bản có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, PHỤ HUYNH
T/M BGH NHÀ TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thanh Tâm

T/M BDD PHỤ HUYNH TRƯỞNG BAN

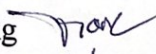


NGƯỜI LẬP BIỂU THƯ KÝ



Trần Thị Luyên

Thành phần tham dự ký tên

1. Nguyễn Thị Thuỳ Trang 
2. Nguyễn Thị Kim Phú 
3. Phạm Thị Thuý Tiên 
4. Nguyễn Thị Minh Phượng 
5. Huỳnh Thị Kim Cương 

